TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2020/DS-PT
Ngày: 29-5-2020.
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Đồng;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Minh Châu; bà Võ Thị Hồng Mai.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Tâm, Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2020/TLPT-DS ngày 27 tháng 02 năm 2020, về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 01/2020/DS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2020, của Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/2020/QĐ-PT ngày 09 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1959, cư trú tại: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Cẩm T, sinh năm 1973, cư trú tại: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà Phạm Thị Kim D, sinh năm 1976, thường trú tại: Ấp M, xã N, thị xã C, tỉnh Tây Ninh.

+ Ông Phạm Thanh B, sinh năm 1973, thường trú tại: ấp M, xã N, thị xã C, tỉnh Tây Ninh.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Đoàn Tuấn Kh, sinh năm 1983, cư trú tại: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu xét xử vắng mặt, Tòa án không triệu tập.

+ Ông Phạm Thanh Đ, sinh năm 1969, cư trú tại: Ấp M, xã N, thị xã C, tỉnh Tây Ninh,Tòa án không triệu tập.

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Thanh B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kh trình bày:

Bà sinh sống ở Thành phố Hồ Chí Minh, có nhờ em dâu thứ mười là Phạm Thị Kim D ở Tây Ninh góp giùm một phần trong dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 23 phần, mở ngày 20-5-2018 (âm lịch), chủ hụi là ai bà không biết. Hàng tháng bà giao tiền cho bà D góp hụi, có tháng thì giao tiền mặt, có tháng thì chuyển vào tài khoản của chồng bà D là ông Phạm Thanh B.

Do phát sinh mâu thuẫn với bà D nên bà yêu cầu bà D chuyển việc góp hụi sang em dâu thứ tám của bà là Lê Thị Cẩm T.

Vào ngày 20-5-2019 (âm lịch) bà D, bà T và bà thống nhất là từ đây về sau bà T là người góp hụi giùm, sau đó bà đã giao cho bà T 1.550.000 đồng để góp hụi tháng 5 và yêu cầu bà T hốt hụi giùm vào tháng sau. Đến lần khui hụi tháng 6, bà T thông báo là đã hốt được hụi cho bà với số tiền 38.950.000 đồng.

Ngày 28-6-2019 (âm lịch), bà đến gặp bà T để lấy tiền hụi nhưng bà T không giao mà nói là phải trừ 18.000.000 đồng để bà T góp 09 tháng hụi chết và trừ 10.000.000 đồng bà nợ ông B.

Bà chỉ chấp nhận trừ 18.000.000 đồng để bà T góp hụi chết, không chấp nhận trừ 10.000.000 đồng cho ông B vì bà không nợ ông B.

Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu bà T phải trả cho bà tiền hốt hụi, cụ thể là 38.950.000 đồng, trừ 18.000.000 đồng để góp hụi chết, còn lại là 20.950.000 đồng.

Bị đơn bà Lê Thị Cẩm T trình bày:

Bà có tham gia 04 phần trong dây hụi 2.000.000 đồng/tháng do bà Tr là đầu thảo, hụi mở vào ngày 20-5-2018 (âm lịch), người đứng tên 04 phần hụi là chồng bà tên Phạm Thanh Đ, giấy hụi ghi là *"Anh Đ"*. Trong 04 phần hụi này có một phần là của vợ chồng bà D, ông B nhờ bà góp giùm, hàng tháng bà D, ông B gửi tiền góp hụi đầy đủ.

Đến khi góp được 13 tháng, vào ngày 20-5-2019 (âm lịch) vợ chồng bà D cùng bà Kh đến nhà bà nói là phần hụi từ trước đến nay vợ chồng bà D nhờ góp là của bà Kh và bà Kh yêu cầu hốt hụi. Ông B có nói với bà Kh là chỉ đồng ý hốt hụi cho bà Kh với điều kiện sau khi hốt phải trừ tiền hụi chết và trừ 10.000.000

đồng mà bà Kh nợ ông B do những tháng trước gửi tiền góp hụi không đủ, ông B phải bỏ tiền ra góp thay, bà Kh đã đồng ý theo yêu cầu của ông B.

Trước khi hốt hụi, bà điện thoại cho bà Kh nhắc lại việc này, bà Kh nói là "*để chị lo chị không để em thiệt đâu*".

Bà đã hốt hụi giùm bà Kh được 38.950.000 đồng, giao cho ông B, bà D 18.000.000 đồng để góp hụi chết giùm bà Kh và 10.000.000 đồng trả cho ông B, còn lại 10.950.000 đồng bà giao cho bà Kh nhưng bà Kh không nhận sau đó bà đã giao hết cho ông B, bà D.

Yêu cầu bà Kh tính toán với ông B, bà D để ông B, bà D trả tiền, bà không còn giữ tiền của bà Kh nên không chấp nhận trả theo yêu cầu của bà Kh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thanh B trình bày:

Ông thống nhất các nội dung bà T trình bày, trong quá trình bà Kh gửi tiền nhờ ông góp hụi đã thiếu 10.000.000 đồng, việc này bà Kh đã thừa nhận trước khi hốt hụi, do là chị em nên không ghi giấy tờ. Việc bà Kh nhờ ông góp hụi giùm cũng không có giấy tờ, nếu ông không thừa nhận thì bà Kh cũng không làm gì được nhưng sự thật có sao thì ông nói vậy nên bà Kh cũng phải thành thật trong việc nợ ông 10.000.000 đồng và phải trả vì hụi đã hốt.

Bà Kh kiện bà T là không đúng. Ngày 27-11-2019, ông đã nộp đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Kh phải trả ông 10.000.000 đồng bằng hình thức trừ vào tiền hụi đã hốt, sau khi trừ, vợ chồng ông sẽ trả cho bà Kh số tiền còn lại, nếu bà Kh không chịu nhận từ vợ chồng ông thì vợ chồng ông sẽ giao tiền cho bà T trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Kim D trình bày: Bà là vợ ông B, thống nhất theo ý kiến của ông B.

Bản án Dân sự sơ thẩm số: 01/2020/DS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2020, của Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kh đối với bà Lê Thị Cẩm T.

Buộc bà Lê Thị Cẩm T trả cho bà Nguyễn Thị Kh số tiền 20.950.000 đồng (hai mươi triệu, chín trăm năm mươi nghìn) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Phạm Thanh B đối với bà Nguyễn Thị Kh về số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, ông Phạm Thanh B kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B giữ nguyên kháng cáo.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Thanh B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Kh.

[2] Xét kháng cáo của ông Phạm Thanh B, thấy rằng:

Các đương sự đã thống nhất được việc bà Nguyễn Thị Kh nhờ góp hụi, đã thống nhất số tiền hốt hụi và số tiền bà Kh chấp nhận trừ lại để góp hụi chết, số tiền còn lại là 20.950.000 đồng. Ông B cho rằng trong số tiền 20.950.000 đồng này bà Kh phải trả cho ông 10.000.000 đồng do bà Kh gửi tiền góp hụi bị thiếu nhưng ông B không có chứng cứ chứng minh, bà Kh không thừa nhận. Lời khai của bà T không đủ căn cứ để buộc bà Kh phải trả cho ông B 10.000.000 đồng.

Mặt khác, các bên thống nhất là chuyển giao nghĩa vụ góp hụi giùm cho bà Kh từ bà D, ông B sang bà T từ ngày 20-5-2019 (âm lịch). Bà Kh chỉ chấp nhận trừ 18.000.000 đồng tiền phải góp hụi chết; không chấp nhận trả cho ông B, bà D 10.000.000 đồng nhưng bà T tự khấu trừ, tự giao tiền hụi của bà Kh cho ông B, bà D giữ là không đúng.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông B và buộc bà T trả cho bà Kh 20.950.000 đồng là đúng theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự.

Ông B kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông B, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Bản án sơ thẩm đúng về nội dung nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về việc bản án ghi có người làm chứng nhưng không ghi họ khai thế nào, nhận định lời khai của họ ra sao là chưa đúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về bản án sơ thẩm. Việc đưa ông Phạm Thanh Đ là chồng của bị đơn, anh Đoàn Tuấn Kh là con ruột của nguyên đơn tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng là không bảo đảm tính khách quan và không cần thiết.

[5] Do yêu cầu kháng cáo của ông B không được Tòa án chấp nhận nên ông B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Thanh B.

2. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 01/2020/DS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2020, của Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kh đối với bà Lê Thị Cẩm T.

- Buộc bà Lê Thị Cẩm T phải trả cho bà Nguyễn Thị Kh số tiền 20.950.000 đồng (hai mươi triệu, chín trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Phạm Thanh B đối với bà Nguyễn Thị Kh về việc đòi số tiền 10.000.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, nếu bà T chưa trả đủ số tiền nêu trên cho bà Kh thì hàng tháng bà T còn phải trả cho bà Kh tiền lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Bà Lê Thị Cẩm T phải chịu 1.047.500 đồng (một triệu, không trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm) đồng.

+ Ông Phạm Thanh B phải chịu 500.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0008164 ngày 27-11-2019, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh. Số tiền còn lại phải nộp là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Phạm Thanh B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp

theo Biên lai thu số: 0008536 ngày 24 tháng 02 năm 2020, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND. TTN;
- TAND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đặng Thị Đồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Đồng